

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 357/2024/HC-PT

Ngày: 20/9/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 163/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1814/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị C, sinh năm 1965. Địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn văn L. Địa chỉ: **Tổ dân phố D, Trần Quý C1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T - Phó Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn Ngu - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk. Địa chỉ: **F C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà **Trần Thị Kim L1** là công nhân lao động của **Công ty TNHH MTV C2 (Công ty C2)**. Năm 1998, bà **L1** được giao khoán thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m² để trồng các loại cây theo sự chỉ đạo của Nông trường. Từ năm 2003, gia đình bà **L1** đã làm nhà trông coi, chứa dụng cụ, chứa vật tư, quản lý thu hoạch sản phẩm và xây chuồng trại chăn nuôi. Năm 2009, bà **L1** tự đầu tư trồng cây cà phê. Tuy nhiên do đất xấu cây cà phê còi cọc nên đã chuyển đổi sang trồng cây sầu riêng và một số cây lâu năm khác.

Ngày 04/6/2012, bà **L1** và **Công ty C2** ký kết “Hợp đồng kinh tế (V/v liên kết sản xuất cà phê)” số 85 Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030.

Ngày 10/4/2014, bà **Trần Thị Kim L1** đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ đối với “Hợp đồng kinh tế (V/v liên kết sản xuất cà phê)” số 85 Đ1/2012/HĐ cho 02 người. Trong đó, bà **C** nhận chuyển nhượng phần lớn vườn sầu riêng, diện tích 8.584m², trên đó có nhà ở, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, sân phơi giếng nước và các loại cây trồng đặc sản.

Sau khi nhận vườn, bà **C** tiến hành cải tạo, đầu tư cho thu hoạch liên tục 03 năm từ năm 2014 đến 2017, vườn cây sầu riêng của bà mới bình phục và bắt đầu cho thu hoạch. Đồng thời, bà **C** khai hoang, phục hoá hai phía bờ lô nên diện tích đất thực tế bà **C** đang sử dụng là 8.996,6m².

Ngày 29/12/2022, **UBND thành phố B** ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư **Phía B, phường T, thành phố B** (đợt 2 và đợt 3). Theo Quyết định này, bà **C** bị thu hồi 8.998,6m² đất và tài sản trên đất theo Biên bản kiểm đếm ngày 15/12/2018.

Theo bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu, gia đình bà **C** được bồi thường số tiền 1.618.137.191 đồng; Các khoản hỗ trợ: Hỗ trợ khác chấp hành tốt bàn giao mặt bằng: 3.000.000 đồng

Việc UBND thành phố Buôn Ma Thuột không tính các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho bà **C** là trái quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2023, bà **Lê Thị C** khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc **UBND thành phố B** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và đã được Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện.

Theo quy định của Nhà nước thì bà **C** thuộc trường hợp được tính khoản tiền hỗ trợ khác theo các quy định của pháp luật như sau:

Điều 83 Luật Đất đai 2013: Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi.

Khoản 2: các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

d) Hỗ trợ khác.

Điều 25. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **UBND tỉnh Đ**: khoản 3 Điều 20 quy định về hỗ trợ khác:

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được **Ủy ban nhân dân tỉnh T1** của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn) thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do **Ủy ban nhân dân tỉnh B** đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Tuyên hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của **Ủy ban nhân dân thành phố B** “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía bắc, **phường T, thành phố B** (đợt 2 và đợt 3)” đối với hộ bà **Lê Thị C** (viết tắt Quyết định số 10635).

Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố B** ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khoản hỗ trợ khác cho bà **Lê Thị C** bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ**.

Đối với những nội dung mà người khởi kiện yêu cầu trình bày trong đơn khởi kiện thì Ủy ban nhân dân thành phố B có ý kiến như sau:

Bà Lê Thị C đang sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, diện tích 8.998,6m² có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Kim L1 bằng giấy viết tay vào ngày 10/4/2014 (bà Trần Thị Kim L1 liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty C2 tại Hợp đồng số 85Đ1/2012/HĐ ngày 04/6/2012). Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty C2 (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do bà Lê Thị C đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh Đ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019. Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị C là 1.618.173.191 đồng; bà Lê Thị C đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện liên quan đến hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ: Bà Lê Thị C không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty C2. Căn cứ khoản 5 Điều 6; Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì bà Lê Thị C không thuộc trường hợp được hỗ trợ khác.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị C do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật.

Do đó, các nội dung khởi kiện của bà Lê Thị C là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Lê Thị C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và quyết định đình chính, bổ sung đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ Chiến khi thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2024, người đại diện theo ủy quyền của **UBND thành phố B** kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận về việc hỗ trợ khác đối với yêu cầu của bà **Lê Thị C**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện: Xác định yêu cầu khởi kiện là buộc **UBND thành phố B** ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 10635 về việc bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác. Đề nghị, bác kháng cáo của người bị kiện để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; kiến nghị rút kinh nghiệm đối với thủ tục xét kháng cáo quá hạn đã thực hiện không đúng trình tự theo Điều 208 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì bà **C** là hộ sản xuất đất nông nghiệp, thuộc trường hợp được hỗ trợ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Xét kháng cáo của người bị kiện: Về trình tự thủ tục giải quyết xét kháng cáo quá hạn, khi Tòa án cấp sơ thẩm chuyển đơn kháng cáo quá hạn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đã thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 208 Luật Tố tụng hành chính, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát kiến nghị tại phiên tòa.

Xét, thời hạn đơn kháng cáo tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, ngày 19/3/2024 UBND thành phố B nhận được Bản án hành chính sơ thẩm, ngày 03/4/2024 nộp đơn kháng cáo qua đường B. Căn cứ Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính thì đơn kháng cáo nộp trong thời hạn quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Nội dung:

[2.1] Năm 1998, bà Trần Thị Kim L1 là công nhân của Công ty C2, ký Hợp đồng giao khoán thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m². Ngày 04/6/2012, bà L1 và Công ty ký kết lại “Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê” số 85/Đ1/2012/HĐ, thời hạn từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030. Ngày 10/4/2014, bà L1 chuyển nhượng một phần quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng kinh tế số 85 này cho bà Lê Thị C với diện tích 8.584m², trên đó có nhà ở, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, sân phơi giềng nước và các loại cây trồng đặc sản và bà C còn khai hoang, phục hoá hai phía bờ lô nên diện tích đất thực tế bà C đang sử dụng tăng lên (8.996,6m²). Theo Quyết định số 10635 thì diện tích đất của bà C bị thu hồi 8.998,6m² đất và tài sản trên đất.

[2.2] Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện về việc hỗ trợ khác, thấy rằng:

[2.2.1] Hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất liên kết nêu trên giữa bà Trần Thị Kim L1 và bà Lê Thị C chưa đảm bảo về hình thức nhưng thực tế được Công ty C2 đã thừa nhận; bà C sử dụng và tiếp tục khai hoang, phục hoá hai phía bờ lô, tăng thêm diện tích đất thực tế, nộp thuế và được Công ty xác nhận là không trái với điểm i khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 85/Đ1/2012/HĐ ngày 29/5/2012.

[2.2.2] Theo Quyết định số 10635 thì bà C thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nhưng không được hỗ trợ khác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có hiệu lực theo thời điểm ban hành Quyết định số 10635. Hơn nữa, diện tích đất thu hồi của bà C lớn (là 8.998,6m²), trên đất có nhà ở, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, sân phơi giềng nước; theo kết quả xác minh do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh cung cấp tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2022 tại Phòng T2 thì hộ bà C không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thành phố B; bà cũng không được hỗ trợ giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Với điều kiện đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C phù hợp.

[2.3] Tại phần nhận định của Bản án hành chính sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định “...do tại Quyết định số 10635 không giải quyết hỗ trợ khác cho hộ

bà C là thiếu sót nên chỉ cần buộc UBND thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ mới, trong đó bổ sung khoản hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ bà C mà không cần thiết phải hủy Quyết định trên”. Tuy nhiên, tại phần Quyết định của Bản án, Quyết định sửa chữa bổ sung: “Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành **lại** Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ Chiến khi thu hồi thửa đất số 34 tờ bản đồ số 7” là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 10635 về việc bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ Chiến khi thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7.

[3] Từ những nhận định, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, chỉ điều chỉnh lại câu chữ như nêu trên cho phù hợp với nhận định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện kháng cáo không được chấp nhận do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của Quyết định Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*”

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị C.** Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư **Phía B, phường T, thành phố B (đợt 2 và đợt 3)**”, về việc bổ sung khoản tiền hỗ trợ khác bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh Đ ban hành đối với diện tích đất bị thu hồi vào phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho hộ bà **C** khi thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố B phải nộp 300.000 đồng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 12874 ngày 17/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung

